

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội

B03a/TCTD

Địa chỉ: Số 3 Liễu Giai- Ba Đình- Hà Nội

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

QUÝ 1/2012- Ngày 31 tháng 03 năm 2012

	Thuyết minh	Quý 1/2012		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
		đồng	đồng	đồng	đồng
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	IV.19	4,086,689,373,340	3,115,760,010,769	4,086,689,373,340	3,115,760,010,769
Chi phí lãi và các khoản chi phí tương tự	IV.20	(2,489,318,997,586)	(1,943,686,195,203)	(2,489,318,997,586)	(1,943,686,195,203)
Thu nhập lãi thuần		1,597,370,375,754	1,172,073,815,566	1,597,370,375,754	1,172,073,815,566
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ		164,685,814,199	158,425,593,800	164,685,814,199	158,425,593,800
Chi phí hoạt động dịch vụ		(10,435,479,368)	(15,988,189,003)	(10,435,479,368)	(15,988,189,003)
Lãi thuần từ hoạt động dịch vụ	IV.21	154,250,334,831	142,437,404,797	154,250,334,831	142,437,404,797
Lãi (lỗ) thuần từ hoạt động ngoại hối	IV.22	7,500,197,936	(149,312,553,550)	7,500,197,936	(149,312,553,550)
Lãi từ chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và góp vốn, đầu tư dài hạn		1,816,221,453	1,153,436,941	1,816,221,453	1,153,436,941
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và góp vốn, đầu tư dài hạn		(120,717,559,714)	(115,000,000,000)	(120,717,559,714)	(115,000,000,000)
Lỗ thuần từ chứng khoán kinh doanh, chứng khoán đầu tư và góp vốn, đầu tư dài hạn	IV.23	(118,901,338,261)	(113,846,563,059)	(118,901,338,261)	(113,846,563,059)
Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần	IV.25	15,093,485,908	12,455,188,348	15,093,485,908	12,455,188,348
Lãi thuần từ hoạt động kinh doanh khác	IV.24	2,477,102,512	226,647,244,113	2,477,102,512	226,647,244,113
TỔNG THU NHẬP HOẠT ĐỘNG		1,657,790,158,680	1,290,454,536,215	1,657,790,158,680	1,290,454,536,215
Chi phí tiền lương		(199,169,613,692)	(129,536,061,892)	(199,169,613,692)	(129,536,061,892)
Chi phí khấu hao và khấu trừ		(52,553,873,297)	(33,644,813,248)	(52,553,873,297)	(33,644,813,248)
Chi phí hoạt động khác	IV.26	(215,225,487,239)	(226,473,586,327)	(215,225,487,239)	(226,473,586,327)
TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(466,948,974,228)	(389,654,461,467)	(466,948,974,228)	(389,654,461,467)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro		1,190,841,184,452	900,800,074,748	1,190,841,184,452	900,800,074,748
Chi phí dự phòng rủi ro cho vay khách hàng		(257,757,453,568)	(139,710,282,742)	(257,757,453,568)	(139,710,282,742)
(Chi phí)/hoàn nhập dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng		(48,334,180,495)	(48,505,699,941)	(48,334,180,495)	(48,505,699,941)
Chi phí dự phòng các khoản phải thu khó đòi		-	-	-	-
TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ		884,749,550,389	712,584,092,065	884,749,550,389	712,584,092,065
Chi phí thuế TNDN hiện hành	IV.28	(216,620,105,728)	(174,836,240,215)	(216,620,105,728)	(174,836,240,215)
Chi phí thuế TNDN trong năm		(216,620,105,728)	(174,836,240,215)	(216,620,105,728)	(174,836,240,215)
LỢI NHUẬN SAU THUẾ		668,129,444,661	537,747,851,850	668,129,444,661	537,747,851,850

Người lập:

Bà Phạm Thu Ngọc
Phó Giám đốc Khối TCKT

Người phê duyệt:

Bà Lê Thị Lợi
Giám đốc Tài chính



Người phê duyệt:

Ông Lê Công
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam
Ngày 25 tháng 04 năm 2012